

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **08/2023/HNGĐ- ST**

Ngày : 17.02.2023

V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tài

2. Ông Đỗ Đức Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 147/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ka H**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Anh **K' L**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị Ka H có mặt, anh K' L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ka H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka H và anh K' L chung sống với nhau từ năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 02/10/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng được khoảng 01 năm sau đó làm nhà ở riêng ổn định tại thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đến nay. Thời gian chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc. Anh K' L thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập chị Ka H nhiều lần, không lo làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, phận ai nấy sống, không

quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không hạnh phúc nên chị Ka H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K' L.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Ka H và anh K' L có 03 con chung là K' Ju L, sinh năm 1997, K' L1, sinh năm 2001 và Ka H2, sinh ngày 26/7/2006. Nay ly hôn, chị Ka H yêu cầu nuôi con là Ka H2, sinh ngày 26/7/2006 đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh K' L cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là K' Ju L, sinh năm 1997 và K' L1, sinh năm 2001 đã trên 18 tuổi, tự lao động được nên chị Ka H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị Ka H và anh K' L tạo lập được tài sản chung gồm có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 09- Tờ bản đồ 12- thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Nguồn gốc thửa đất này là vợ chồng khai phá từ năm 1995, vợ chồng trồng cà phê, chăm sóc và thu hái. Ngày 26/12/2013 vợ chồng đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh K' L. Đến năm 2020 vợ chồng ly thân, chị Ka H giao lại cho anh K' L canh tác tuy nhiên đến nay vườn bỏ hoang. Quá trình canh tác, chị Ka H chủ yếu là người làm vườn, anh K' L không làm, suốt ngày ăn nhậu. Nay chị Ka H yêu cầu chia đôi tài sản trên, chị được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, anh K' L được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Chị Ka H yêu cầu nhận toàn bộ tài sản bằng hiện vật, đồng ý thanh toán lại cho anh K' L $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bằng tiền theo giá thị trường của Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín đưa ra.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị Ka H và anh K' L không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về chi phí tố tụng, án phí: Chị Ka H yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh K' L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/12/2022 nhưng không thành. Chị Ka H có mặt, anh K' L vắng mặt mặc dù được triệu tập lệ. Chị Ka H có đơn yêu cầu không hòa giải vụ án nữa mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Ka H được ly hôn với anh K' L. Về con chung cần giao con chung là Ka H2, sinh ngày 26/7/2006 cho chị Ka H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị Ka H không yêu cầu anh K' L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết. Đối với hai con chung là K' Ju L, sinh năm 1997 và K' L1, sinh năm 2001 đã trên 18 tuổi tự lao động được, chị Ka H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung

cần xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 09-Tờ bản đồ 12- thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (có trích đo thửa đất kèm theo) là tài sản chung của chị Ka H và anh K' L, cả hai có công sức đóng góp như nhau nên cần chia đôi tài sản trên, chị Ka H được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, anh K' L được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Cần giao toàn bộ tài sản trên cho chị Ka H sở hữu, sử dụng, chị Ka H có trách nhiệm thanh toán lại cho anh K' L $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bằng tiền theo giá của chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín đưa ra. Về nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về chi phí tố tụng, án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh K' L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ka H và anh K' L chung sống với nhau từ năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 02/10/2002. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn nhưng vẫn cố gắng hàn gắn. Chị Ka H trình bày lý do phát sinh mâu thuẫn là do anh K' L thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, không lo làm ăn. Gia đình hai bên nội ngoại đều biết và có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh K' L không sửa đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập anh K' L đến làm việc, hòa giải đoàn tụ nhưng anh K' L đều vắng mặt không có lý do. Nay chị Ka H vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ka H và anh K' L đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Ka H được ly hôn với anh K' L là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ lời khai chị Ka H, các bản khai sinh của con do chị Ka H xuất trình thì quá trình chung sống chị Ka H và anh K' L có 03 con chung là K' Ju L, sinh năm 1997, K' L1, sinh năm 2001 và Ka H2, sinh ngày 26/7/2006. Chị Ka H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là Ka H2 đến khi đủ 18 tuổi, cháu Ka H2 có nguyện vọng được ở với mẹ. Còn anh K' L được Tòa án triệu tập nhưng không đến làm việc nên không thể hiện ý chí về con chung. Vì vậy, xét thấy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014 cần giao con chung Ka H2, sinh ngày 26/7/2006 cho chị Ka H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị Ka H không yêu cầu anh K' L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết. Đối với 02 con chung là K' Ju L, sinh năm 1997 và K' L1, sinh năm 2001 đã trên 18 tuổi, tự lao động được, chị Ka H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung:

Chị Ka H yêu cầu giải quyết chia tài sản chung với anh K' L là thửa đất số 09- Tờ bản đồ 12, diện tích 7.012,2 m², đất nông nghiệp, tọa lạc tại thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đã được UBND huyện Bảo Lâm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 404705 ngày 26/12/2013 đứng tên anh K' L. Tại đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày ký 14/11/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cung cấp cho Tòa án thể hiện diện tích đất thực tế sử dụng là 7.823,6 m² gồm: Một phần thửa 09- diện tích 6.870 m², một phần thửa 08- diện tích 618,3m² (chưa có ai đăng ký kê khai), một phần thửa 06- diện tích 335 m². Chủ đất giáp ranh là ông K' V (thửa 06) xác nhận ranh giới các bên sử dụng đất đã rõ ràng và không có tranh chấp, phần đất thuộc thửa 08 chưa có ai đăng ký kê khai, chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Tài sản gắn liền với đất là cây cà phê Robusta, 02 cây bơ, 02 cây sầu riêng.

Nguồn gốc diện tích đất trên là của chị Ka H và anh K' L khai phá năm 1996, đến ngày 26/12/2013 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản tạo lập được trong thời kì hôn nhân, cùng trồng cà phê, chăm sóc và thu hái cho đến nay. Các con của chị Ka H và anh K' L gồm có K' Ju L và K' L1 đã trên 18 tuổi xác nhận là tài sản chung của bố mẹ, không có đóng góp gì đối với tài sản này. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân gia đình, Điều 219 Bộ luật dân sự 2005, Điều 213 Bộ luật dân sự 2015, Điều 98 Luật đất đai năm 2013, xác định thửa đất số 09- TĐĐ 12- xã Lộc Đức, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (qua đo đạc hiện trạng sử dụng đất là 7.823,6 m²) và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của chị Ka H và anh K' L. Vợ chồng có công sức tạo lập, đóng góp, tôn tạo tài sản chung như nhau nên mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản trên. Xét quá trình canh tác, sử dụng đất thì chị Ka H trình bày từ khi khai phá, trồng cà phê, chăm sóc và thu hái thì chủ yếu do chị Ka H trực tiếp làm, anh K' L thường xuyên uống rượu không lo vườn tược. Khi ly thân và nộp đơn ly hôn đến nay chị Ka H giao lại cho anh K' L chăm sóc thu hái. Tuy nhiên qua xem xét thẩm định tại chỗ thì hình thù thửa đất không vuông vức, không có lối đi vào vườn nên không thể chia bằng hiện vật. Đồng thời tài sản trên đất là cây cà phê đã không được chăm sóc, xuống cấp trầm trọng, cỏ mọc nhiều, vườn thuộc tình trạng bỏ hoang. Hiện nay chị Ka H yêu cầu nhận toàn bộ tài sản chung và đồng ý thanh toán lại cho anh K' L ½ giá trị tài sản chung bằng tiền theo giá thị trường chứng thư của Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín đưa ra. Còn anh K' L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc. Vì vậy xét thấy cần giao toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất trên cho chị Ka H được quyền sử dụng, sở hữu và buộc chị Ka H phải thanh toán lại ½ giá trị tài sản trên cho bằng tiền cho anh K' L là hợp lý.

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín ngày 14/3/2022 thể hiện: Quyền sử dụng đất 7.823,6 m² x 152.000

đồng/m²= 1.189.187.200 đồng, ao chứa nước giá 16.000.000 đồng, cây trồng trên đất giá 249.662.200 đồng. Tổng trị giá tài sản thành tiền là: 1.454.849.400 đồng. Chị Ka H được hưởng ½ giá trị tài sản, anh K' L được hưởng ½ giá trị tài sản. Tại phiên tòa, chị Ka H đồng ý thanh toán lại cho anh K' L ½ giá trị tài sản bằng tiền. Vì vậy xét thấy cần giao toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất là 7.823,6 m² gồm một phần thửa 09- diện tích 6.870 m², một phần thửa 08- diện tích 618,3m² (chưa có ai đăng ký kê khai), một phần thửa 06- diện tích 335 m²- Toàn bộ thuộc tờ bản đồ 12- Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho chị Ka H toàn quyền sử dụng, sở hữu. Buộc chị Ka H thanh toán lại cho anh K' L số tiền 727.424.700 đồng.

(Có đo đạc thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ký ngày 14/11/2022 kèm theo)

Về nợ chung: Chị Ka H trình bày chị và anh K' L không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

3. Về chi phí tố tụng (*xem xét, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản, đo vẽ hiện trạng sử dụng đất*): Chị Ka H đã nộp tạm ứng số tiền 38.654.000 đồng. Do chị Ka H và anh K' L đều được chia tài sản như nhau nên cần buộc mỗi người chịu ½ chi phí trên. Chị Ka H phải chịu 19.327.000 đồng (đã nộp xong), buộc anh K' L trả lại cho chị Ka H số tiền 19.327.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cần buộc chị Ka H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (xin ly hôn) và 33.096.988 đồng án phí dân sự sơ thẩm (chia tài sản). Cần buộc anh K' L phải chịu 33.096.988 đồng án phí dân sự sơ thẩm (chia tài sản) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 33, Điều 59, Điều 62, các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 219 Bộ luật dân sự 2005, Điều 213 Bộ luật dân sự 2015, Điều 98 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ka H đối với anh K' L về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ka H được ly hôn với anh K' L.

2. Về con chung: Buộc anh K' L phải giao con chung là Ka H2, sinh ngày 26/7/2006 cho chị Ka H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh K' L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

Đối với hai con chung là K' Ju L, sinh năm 1997 và K' L1, sinh năm 2001 đã trên 18 tuổi, tự lao động được, chị Ka H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 7.823,6 m² gồm: Một phần thửa 09- diện tích 6.870 m², một phần thửa 08, diện tích 618,3m² thuộc một phần thửa 06- diện tích 335 m²- Tờ bản đồ 12- Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của chị Ka H và anh K' L.

Giao toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 7.823,6 m² gồm: Một phần thửa 09- diện tích 6.870 m², một phần thửa 08, diện tích 618,3m² thuộc một phần thửa 06- diện tích 335 m²- Toàn bộ thuộc tờ bản đồ 12, thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho chị Ka H toàn quyền sử dụng, sở hữu. Buộc chị Ka H có trách nhiệm trả cho anh K' L số tiền 727.424.700 đồng.

(Có đo đạc thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ký ngày 14/11/2022 kèm theo)

Chị Ka H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động, sang tên, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Ka H phải chịu số tiền 19.327.000 đồng (đã nộp xong). Buộc anh K' L phải trả cho chị Ka H số tiền 19.327.000 đồng.

5. Về án phí: Buộc chị Ka H phải chịu 33.396.988 đồng án phí dân sự sơ thẩm đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 12.100.000 đồng tạm ứng án phí chị Ka H đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0005029 ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, chị Ka H còn phải nộp 21.296.988 đồng. Buộc anh K' L phải nộp 33.096.988 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L, huyện B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy**

